

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

40 NĂM

GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THÔNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

(30/4/1975 – 30/4/2015)

NGÀY 14-4-1975:
CHIẾN DỊCH MANG TÊN HỒ CHÍ MINH



Đồng chí Lê Đức Thọ (thứ hai từ trái qua) và một số cán bộ Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh tại căn cứ Tà Thiết.

Nhận được báo cáo của Quân ủy Miền về diễn biến chiến trường và kiến nghị đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, 17 giờ 50 ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị gửi Bộ Chỉ huy chiến

dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định (điện mật số 37/TK), nội dung: “Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Quyết định của Bộ Chính trị được phổ biến nhanh chóng đến các mặt trận, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, đồng thời khẳng định ý chí quyết chiến quyết thắng của các cánh quân trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Cùng ngày 14-4, Sư đoàn 3 (Quân khu 5) và Trung đoàn 25 (Mặt trận Tây Nguyên) tiến công đột phá tuyến phòng thủ Phan Rang của quân đội Sài Gòn. Trên hướng Bắc đường 1, Sư đoàn 3 tập kích các vị trí án ngữ ngoại vi thị xã, chiếm quận lỵ Du Long và các điểm cao 105, 300, Ba Râu, Suối Vàng, Suối Đá,

cảng Ninh Chữ, chặn đường địch rút chạy ra biển.

Trên hướng đường 11, Trung đoàn 25 đánh bại các đợt phản kích của Lữ đoàn dù quân đội Sài Gòn, áp sát sân bay Thành Sơn, làm chủ toàn bộ dải phòng ngự vòng ngoài thị xã Phan Rang. Trên hướng Nam đường 1, lực lượng vũ trang Quân khu 6 tiến công

các vị trí của địch tại vùng ven, chia cắt Phan Rang với Bình Thuận.

Cũng trong ngày 14-4, tại Sài Gòn, Thủ tướng ngụy quyền Sài Gòn Nguyễn Bá Cẩn lập nội các mới. Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: “Đây là chính phủ chiến đấu, thương lượng nhưng không đầu hàng”!

HỒ SƠN ĐÀI
<http://www.sggp.org.vn>

Bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã nâng vị thế chính trị của Việt Nam trên thế giới lên một tầm cao mới. Đối với dân tộc ta, đây là bản anh hùng ca bất hủ của chiến tranh nhân dân trong thời đại Hồ Chí Minh. Năm tháng trôi qua, càng khẳng định và làm nổi bật tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của thắng lợi này.



Pháo binh và xe tăng quân Giải phóng trên đường hành quân vào giải phóng Quy Nhơn. Ảnh: Vũ Tào - TTXVN

Sau khi khôi phục độc lập, chủ quyền ở thế kỷ thứ X, trong lịch sử 1.000 năm qua, chưa khi nào dân tộc Việt Nam lại phải tiến hành cuộc chiến tranh kéo dài tới 30 năm liên tục như cuộc chiến tranh cách mạng 1945 - 1975, rất khốc liệt nhưng vô cùng anh dũng để bảo vệ độc lập, tự do, bảo vệ lý tưởng và mục tiêu

cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu bước ngoặt rất cơ bản, quyết định của con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ đã vạch ra từ trong Chính cương văn tắt năm 1930 - Con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng và toàn dân đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sức mạnh, trí tuệ và truyền thống tốt đẹp của toàn dân tộc, sáng tạo ra cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ, thắng địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, cuối cùng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ của thực dân Pháp và chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa ở Việt Nam, là cuộc chiến dài ngày, tổn kém và thiệt hại nặng nề nhất trong lịch sử nước Mỹ. Cuộc chiến qua 5 đời Tổng thống Mỹ, kéo dài 222 tháng và 4 lần thay đổi chiến lược chiến tranh ở Việt Nam nhưng

vẫn không cứu vãn nổi thất bại. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 360.000 quân Mỹ và chư hầu, hơn 3 vạn máy bay các loại, gần 4 vạn xe tăng và xe bọc thép, hơn 7.000 tàu và xuồng chiến đấu.

Tổng chi phí cho chiến tranh xâm lược phi nghĩa của Mỹ ở Việt Nam là 676 tỉ USD và Mỹ đã bị nhân dân thế giới kịch liệt phản đối, trong đó có người Mỹ yêu chuộng hòa bình. Trong cuộc chiến này, quân và dân ta cũng đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn đội quân nguy gồm hơn 1 triệu tên và các căn cứ quân sự Mỹ - nguy, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh, đập tan bộ máy quyền lực từ trung ương đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Với chiến thắng lịch sử này, nhân dân Việt Nam đã vĩnh viễn thoát khỏi ách nô dịch của các nước đế quốc, vĩnh viễn thoát khỏi họa đất nước bị chia cắt, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ những thành quả bước đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội; đứng vào hàng ngũ các quốc gia, dân tộc tiên phong trên thế giới. Từ một nước bị nước ngoài xâm chiếm, từ một dân tộc bị nô lệ, Việt Nam đã giành lại nền độc lập dân tộc sau gần một thế kỷ mất nước và trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, có đầy đủ chủ quyền được pháp lý quốc tế thừa nhận; có quân đội hùng mạnh, có nền văn hóa, khoa học - kỹ thuật đang trên đà phát triển, tự định đoạt các vấn đề đối nội, đối ngoại, có vị thế quan trọng, sánh vai cùng với các nước trên thế giới.

Đó là thành tựu lớn nhất mà nhân dân ta đã giành được. Và lần đầu tiên

nhân dân Việt Nam có một nền dân chủ thực sự, người dân có quyền làm chủ, có quyền tham gia bàn bạc và quyết định các vấn đề của đất nước, của dân tộc thông qua một thể chế dân chủ và đại diện do mình bầu ra.

Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng nêu rõ thêm: “Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, đội tiên phong dày dạn của giai cấp công nhân Việt Nam, người đại biểu trung thành và đầy đủ những lợi ích sống còn, những nguyện vọng sâu xa và chính đáng của nhân dân Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam, người kết hợp nhuần nhuyễn và thành công khoa học cách mạng của giai cấp công nhân là chủ nghĩa Mác - Lênin với nghị lực chiến đấu phi thường và sức sáng tạo vô tận của nhân dân ta, với những tinh hoa trong truyền thống bốn ngàn năm của dân tộc Việt Nam ta”.

Bên cạnh đó, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì quyền sống của con người. Cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là một thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì độc lập, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thắng lợi còn làm sáng tỏ tính hiện thực, tính phổ biến của xu thế phát triển của loài người tiến bộ, góp phần động viên cổ vũ các dân tộc dũng cảm, kiên cường giương

cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người và trực tiếp góp phần to lớn vào công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân hai nước láng giềng Lào và Campuchia anh em.

Thắng lợi là một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ Việt

Nam đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại, một sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt và tính thời đại sâu sắc. Thắng lợi đã nâng vị trí chính trị của Việt Nam trên thế giới lên một tầm cao mới và là niềm tự hào của mỗi người dân trong thế kỷ XX và mai sau.

Trần Tiến Duẩn

<http://www.baotintuc.vn>

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

THẮNG LỢI CỦA NỀN NGOẠI GIAO CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc cuộc kháng chiến 21 năm chống xâm lược. Đó là thắng lợi bởi sức mạnh tổng hợp của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó, đường lối ngoại giao đúng đắn, tài tình, sáng suốt của Đảng đã phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại-đó là thắng lợi của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam...

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn coi trọng kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị với ngoại giao. Trong đó, ngoại giao là một trong những truyền thống, nét đặc sắc, góp phần to lớn, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù xâm lược, giành và giữ nền độc lập dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh-người đặt nền móng cho nền ngoại giao cách mạng Việt Nam, đã khẳng định: “Việt Nam là một bộ phận trong nền hòa bình chung của thế giới”. Ngay khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Người đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, công bố với toàn thế giới nước ta đã giành được độc lập.



Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình ký Hiệp định Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ảnh tư liệu

Đây là cơ sở pháp lý để nước ta đặt quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới, nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân thế giới, bảo đảm cho công cuộc giải phóng dân tộc giành thắng lợi. Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã tuyên bố: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”. Tư tưởng đó đã chỉ đạo xuyên suốt, là cơ sở hình thành nền

ngoại giao cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau Chiến dịch Biên Giới năm 1950, toàn tuyến biên giới nước ta được giải phóng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và chính thức đặt quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào tháng 1 năm 1950. Đây là tiền đề để chúng ta mở quan hệ với các nước trên thế giới, nhất là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, các nước yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới.

Trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), nhờ có sự giúp đỡ, ủng hộ không nhỏ của các nước xã hội chủ nghĩa (chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc), quân và dân ta đã giành thắng lợi trong Chiến dịch Điện Biên Phủ “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

Thực tiễn cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta trong 21 năm, đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, một lần nữa minh chứng hùng hồn cho sự thắng lợi của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là nền ngoại giao yêu chuộng hòa bình, đề cao chính nghĩa; coi trọng xây dựng và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị và quan

hệ hợp tác với các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; là nền ngoại giao vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Sau khi đập tan chiến lược chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, cục diện tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch đã có lợi cho ta, Đảng ta nhận định: “ta hoàn toàn có khả năng giữ quyền chủ động trên chiến trường”, thực hiện phương châm “vừa đánh vừa đàm; vừa đàm vừa đánh” nhằm tạo thế chủ động và phát huy sức mạnh quốc tế ủng hộ cho nhân dân Việt Nam. Chiến thắng của Chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 buộc Mỹ phải đàm phán với ta và ký Hiệp định Pa-ri tháng 1 năm 1973. Đây là thắng lợi về ngoại giao lớn thứ hai mang tính bước ngoặt của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Sau Hiệp định Pa-ri năm 1973, ta đã buộc Mỹ và các nước liên quan rút quân khỏi Việt Nam, chấm dứt hoạt động chiến tranh, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Đó là điều kiện vô cùng thuận lợi dẫn đến Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam với tư tưởng chỉ đạo: “Nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất”. Quyết tâm đó của Bộ Chính trị được xác định trên cơ sở nhận định: Chúng ta đã kết hợp đấu tranh chính trị với ngoại giao, kết hợp với kiên quyết phản công và tiến công đập tan mọi âm mưu, hành động lấn chiếm của địch.

Thực hiện phương châm chỉ đạo của Đảng và tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, các hoạt động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã trở thành mặt trận, đánh vào “hậu phương quốc tế” của Mỹ, mở rộng “hậu phương quốc tế” của Việt Nam, hình thành Mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn, mà nòng cốt là Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước Đông Dương ủng hộ Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Nhờ có hoạt động ngoại giao tích cực, đúng đắn, hiệu quả của Đảng, Nhà nước và nhân dân, mà chúng ta đã xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành hậu phương lớn chi viện tích cực cho chiến trường miền Nam. Cũng nhờ đó mà nhân dân ta đã huy động được khối lượng vũ khí, trang bị, kỹ thuật, lương thực, thực phẩm đầy đủ cho cuộc đụng đầu cuối cùng, cam go nhất

trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, hoàn thành công cuộc giải phóng đất nước.

Thắng lợi to lớn của nền ngoại giao cách mạng nước ta trong Đại thắng mùa Xuân 1975 còn thể hiện ở việc tăng cường liên minh chiến đấu ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia chống đế quốc Mỹ. Đồng thời, mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị với các nước châu Á, châu Phi và Mỹ La-tinh, tranh thủ vận động nhân dân Mỹ và nhân dân các nước phương Tây khác phản đối chiến tranh, hình thành mặt trận rộng lớn của nhân dân thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Trong lịch sử thế giới, chưa có cuộc đấu tranh của một dân tộc nào lại được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân

dân thế giới như cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống Mỹ xâm lược. Nền ngoại giao cách mạng Việt Nam thực sự là cầu nối chuyển tải sức mạnh của cả thời đại đến với Việt Nam, tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn trong cuộc đối đầu với Mỹ có vũ khí, khí tài hiện đại bậc nhất thời bấy giờ.

Đại thắng mùa Xuân 1975, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là thắng lợi của một Đảng cách mạng chân chính có đường lối chính trị, phương pháp cách mạng đúng đắn, có đường lối ngoại giao tài tình, sáng tạo linh hoạt, luôn giữ vững nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược. Đó là thắng lợi của những nhà ngoại giao kiệt xuất, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là thắng lợi của nền ngoại giao nhân dân rộng khắp được xây dựng trên nền tảng của một dân tộc có truyền thống yêu chuộng hòa bình.

Đại tá, TS NGUYỄN SỸ HỌA (*)

(*)Phó chủ nhiệm Khoa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh -
Học viện Lục quân
<http://www.qdnd.vn>

Gặp người chỉ huy xe tăng 846

Cự chiến binh Nguyễn Quang Hòa (Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn tăng thiết giáp 203, Quân đoàn 2) đã có mặt tại Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975. Ông là chỉ huy xe tăng 846, một trong những chiếc xe tăng trong đội hình thọc sâu tiến vào Sài Gòn. Đây cũng là chiếc xe tăng trong bức ảnh nổi tiếng “Xe tăng chiếm Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975” của tác giả Trần Mai Hưởng (Thông tấn xã Việt Nam).

Khai màn chiến dịch

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đại đội 5 đánh căn cứ Nước Trong, cửa ngõ của Sài Gòn. 5 giờ chiều ngày 26/4, xe tăng 846 nổ phát súng đầu tiên khai màn chiến dịch. Dịch chống cự ác liệt hai ngày đêm, căn cứ rền vang tiếng súng. Trận đánh kéo dài đến ngày 29/4 mới kết thúc.

“Đại đội 5 có 6 xe thì bị địch bắn cháy mất 3 xe, nên sáng hôm sau được bổ sung thêm một xe nữa là xe 380 của

đại đội 4. Sáng 28/4, xe 846 bị hết đạn nên báo lại Sở chỉ huy và được bổ sung thêm đạn, sau đó tất cả 4 xe đều quay về. Sáng ngày 29/4 thì bổ sung một đại đội nữa, gồm có 4 xe của đồng chí Bùi Quang Thận”, ông Hòa kể.

Đến trưa ngày 29/4 thì giải quyết xong căn cứ Nước Trong, quân ta bắn cháy hai xe tăng M48, một xe M41, hai xe thiết giáp của địch. Sau đó đội hình tiến ra đường 15, đến cầu Long Bình. Nhưng

đến đoạn cầu Bông thì địch phá cầu, phải chờ công binh khắc phục.



Ông Nguyễn Quang Hòa (cầm bức ảnh) và các chiến sĩ trên chiếc xe tăng 846 cùng các phóng viên TTXVN và báo Quân đội Nhân dân gặp mặt sau 40 năm

Đến 12 giờ đêm ngày 29/4 thì khắc phục xong cầu. Khi ấy, đồng chí Bùi Tùng là chính ủy, đồng chí Tài là Lữ đoàn trưởng 203, gọi ông Hòa và Bùi Quang Thận hội ý và yêu cầu đại đội 4 và đại đội 5 sáp nhập làm một để tiện chỉ huy. “Tôi là chỉ huy xe 846 và là đại đội phó, đồng chí Thận là đại đội trưởng, kiêm trưởng xe 843. Như vậy đội hình tăng tiến vào Sài Gòn có 7 xe, xe 846 đi đầu”, ông Hòa kể.

Ngay sau đó, đồng chí Thận giao nhiệm vụ cho ông Hòa điều 3 xe của đại đội 5 lên ngã ba Long Bình trước. Lúc này, pháo địch dập rất mạnh ở khu vực này, đội hình tăng cứ nổ máy tiến lùi để tránh đạn, đến gần sáng thì pháo không bắn nữa. Khoảng 6 giờ sáng 30/4, được lệnh của Lữ đoàn, đội hình tăng của đại đội 5 vượt cầu Long Bình trên xa lộ Biên Hòa tiến vào Sài Gòn.

Khi đến chân cầu Sài Gòn thì gặp đội hình của tiểu đoàn 1 đi trước, có một xe bị sa lầy nên đại đội dừng lại ở đó. Một lúc sau, có hai máy bay địch lượn mấy vòng rồi ném bom phá cầu nhưng không phá được, bom thả hết xuống sông. Đồng thời ở ngoài sông xuất hiện một chiếc tàu.

Xe tăng ta quay pháo bắn nhưng do khoảng cách khá xa nên không bắn trúng. Khoảng hơn 10 giờ sáng 30/4, được lệnh của Lữ đoàn vượt cầu Sài Gòn thì xe tăng 846 hết dầu. Lúc ấy, đội hình tăng do đồng chí Bùi Quang Thận chỉ huy cũng tới nơi. Từ phía sau, xe 843 của đồng chí Bùi Quang Thận đi lên. “Lúc ấy, tôi nói: Báo cáo anh, xe tôi hết dầu, đề nghị anh cấp thêm dầu để xe tiếp tục nổ máy. - Bây giờ không giải quyết, đại đội tự đi tìm lấy. Tôi cử hai đồng chí là lái xe và pháo thủ số 2 xách thùng 20 lít đi xin dầu của các xe bạn. Xin được 2 - 3 thùng đổ vào. Lúc đó có lệnh xung phong, chúng tôi cùng với đội hình vượt qua cầu”, ông Hòa kể tiếp.

Tiến vào Dinh Độc Lập

“Trên đường tiến vào Sài Gòn vẫn có những đợt quân địch chặn ta lại. Nhưng sau khi giải quyết xong căn cứ Nước Trong, tinh thần anh em rất phấn khởi, tin tưởng. Khi vượt qua cầu Sài Gòn, không riêng gì tôi mà cả 3 chiến sĩ trên xe tăng đều cảm thấy hồi hộp xúc động. Chiến tranh ác liệt như thế mà bây giờ mình đã vào đến cửa ngõ Sài Gòn rồi.

Khi vào đến cửa ngõ Sài Gòn, tôi động viên anh em phải bình tĩnh, quan sát để khi có địch thì tiêu diệt được ngay. Lúc này khí thế của anh em rất phấn khởi, không một chút do dự vì nghĩ rằng chiến tranh sắp kết thúc, chúng ta nhất định giành được thắng lợi”.

Với khí thế đầy hứng khởi của chiến thắng đang tới gần, đội hình xe tăng cứ thế thẳng tiến về hướng Dinh Độc Lập. Trên đường vào thấy người dân rất phấn khởi, kéo ra hết ngoài đường vẫy chào xe tăng của quân giải phóng.

“Khi vào trong Dinh Độc Lập, anh em vẫn được lệnh trong tư thế sẵn sàng chiến đấu nếu như địch phản ứng lại. Khoảng 4 giờ chiều 30/4 chúng tôi được lệnh rút ra tập kết ở Tổng kho Long Bình. Lúc đó, đại đội 5 tách 3 xe về tiểu đoàn và không có lúc nào quay lại”, ông Hòa vẫn trong dòng hồi tưởng.

Ông Nguyễn Quang Hòa nhập ngũ năm 1970, khi đang là sinh viên của Đại học Lâm nghiệp năm thứ nhất. Khi vào quân đội, ông ở Sư đoàn 325 bộ binh, tháng 10/1970 thì chuyển sang tăng thiết giáp.

Năm 1972, bắt đầu hành quân vào Nam chiến đấu theo đội hình độc lập và thọc sâu. Khi vào Thừa Thiên - Huế thì đóng quân ở đây, cho đến năm 1974 tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

- Còn bức ảnh “Xe tăng chiếm Dinh Độc lập ngày 30/4/1975, bác có biết chiếc xe tăng do mình chỉ huy là xe tăng trong bức ảnh nổi tiếng không?

- Tôi biết đến bức ảnh “Xe tăng chiếm Dinh Độc Lập” từ năm 1980, khi còn đang tại ngũ do một đồng chí tặng. Lúc đó tôi chưa nhận ra đó là bức ảnh chụp chiếc xe tăng của mình, chỉ ngỡ ngỡ thôi vì thấy có số đuôi 6 trên xe. Sau đó, tôi dán ảnh này vào cái vali bằng gỗ, một thời gian sau bị gián nhấm hết. Sau này, khi đồng chí pháo thủ số 2 Nguyễn Bá Tứ vào Sài Gòn chơi, có đến Dinh Độc Lập. Khi nhìn thấy bức ảnh thì gọi cho tôi, nói: Đúng xe của mình rồi anh ạ. Tứ đã chụp lại bức ảnh và tặng tôi.

Kể từ đó, tấm ảnh của chiếc xe tăng 846 đã luôn được treo trang trọng nơi phòng khách, cùng với những tấm ảnh ông chụp trong các dịp kỷ niệm cùng với đồng đội cũng như gia đình mình.

Bài và ảnh: Xuân Phong
<http://www.baotintuc.vn>

NHỮNG DẤU VẾT ĐẶC BIỆT TRÊN XE TĂNG 390

QĐND Online - Xe tăng 390 cùng với xe tăng 843, “chứng nhân lịch sử” của Chiến thắng vĩ đại ngày 30-4-1975 đã được công nhận là bảo vật quốc gia. Bên cạnh chiến công húc đổ cổng chính Dinh Độc Lập trong ngày 30-4-1975, xe tăng 390 đã đi một cung đường rất dài theo hình đất nước. Trước đó, ngày 4-12-1971, nằm trong đội hình chiến đấu của Trung đoàn 203, xe tăng 390 hành quân từ Vĩnh Phúc, vượt Trường Sơn vào chiến đấu tại chiến trường Trị Thiên khốc liệt. Ngày 15-5-1975, kíp xe 390 có vinh dự được xếp hàng đầu trong Lễ duyệt binh mừng chiến thắng tại TP Sài Gòn. Năm 1978, xe 390 lại hòa mình vào cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế trên nước bạn Campuchia. Đến năm 1979, xe tăng 390 nhận lệnh lên tàu thủy, vượt biển ra Bắc và tiếp tục chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Có thể nói, trong cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, xe tăng 390 luôn có mặt ở tuyến đầu, luôn ở mũi đột kích, liên tiếp lập nên những chiến công như huyền thoại.

Trải qua nhiều chiến dịch khốc liệt, xe tăng 390 dính không ít “vết thương” trên “cơ thể” cùng những bí mật riêng mà chỉ những chiến sĩ đã gắn bó máu thịt, từng kề vai sát cánh chiến đấu cùng nó mới biết.

Năm 1999, khi đến Bảo tàng Lực lượng Tăng-Thiết giáp thăm lại xe tăng 390, các cựu chiến binh Vũ Đăng Toàn, Ngô Sĩ Nguyên, Lê Văn Phụng và Nguyễn Văn Tập đã “bị” cán bộ, nhân viên Bảo tàng “kiểm tra”: “Các bác có khẳng định đây chính là chiếc xe đã cùng các bác húc đổ cổng chính Dinh Độc Lập trưa 30-4-1975 không?”. 4 cựu chiến binh nói: “Sườn trái tháp pháo của xe có 2 vết lõm, sâu khoảng 1cm; phía trên mặt tháp pháo có vết lõm dài chừng gang tay. Đó là những vết lõm do xe trúng bom, pháo địch. Nếu đúng các dấu vết đó thì đúng là xe 390”.

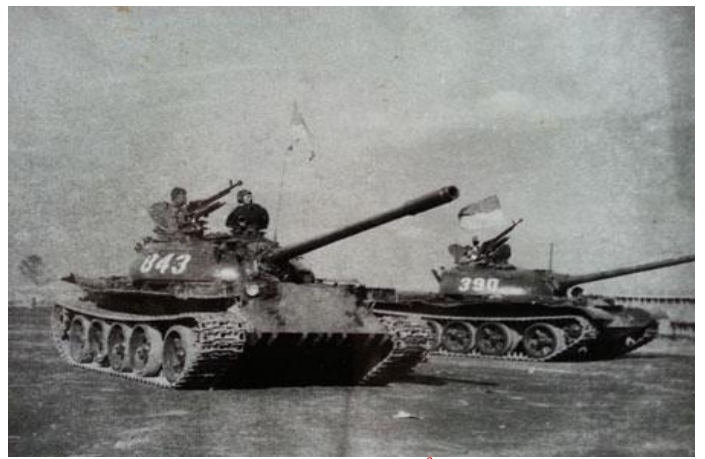
Bác Ngô Sĩ Nguyên bổ sung: “Nếu số tháp pháo được đúc nổi trên sườn trái là 61-T-73, phía trái cửa trường xe vẫn là dãy số khắc chìm 73776 thì đích thị là 390”.

Thiếu tá Mai Thị Ngọc, Giám đốc Bảo tàng cho hay: “Khi chúng tôi mở cửa đưa các nhân chứng đến "gặp" lại chiếc xe, các bác đã òa khóc vì sung sướng. Từng vết lõm, từng số hiệu trên xe đúng chính xác như các bác nói. Đúng là qua bao nhiêu dâu bể của chiến tranh, xe 390 vẫn được giữ gìn nguyên vẹn”. Còn bác Vũ Đình Toàn xúc động: “Những vết lõm trên xe là chứng tích của những trận đánh khốc liệt, nhất là trong trận tiến công căn cứ Nước Trong ngày 29-4-1975. Trong trận đánh ấy, xe chúng tôi trúng rất nhiều bom, pháo địch. Trong trận này, pháo thủ số 2 Đỗ Cao Trường bị thương, vì thế đồng chí Lê Văn Phượng là Đại đội phó kỹ thuật mới lên thay trong những trận đánh diễn ra ngày 30-4-1975. Xe 390 có thể đã thành than tro khi chúng tôi tiến đến cổng Dinh Độc Lập. Trong thời khắc ấy, xe 843 của Đại đội trưởng Bùi Quang Thận húc vào cổng phụ và bị kẹt lại, nên tôi lệnh cho đồng chí Tập húc thẳng vào cổng chính, dù biết có thể hy sinh. Vì chúng tôi biết địch bảo vệ cổng chính bằng hệ thống điện và mìn chống tăng rất kiên cố. Nhiệm vụ của xe 390 là phải mở cửa để đại quân vào chiếm Dinh Độc Lập. Truyền thống của bộ đội Tăng-Thiết giáp là “một người, một xe cũng tiến công”.

Báo QĐND Online trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một số hình ảnh về xe tăng 390.



Xe tăng 390 hiện được bảo quản, trưng bày tại Bảo tàng Lực lượng Tăng-Thiết giáp.



Xe tăng 390 và 843 thời điểm tháng 5-1975 (ảnh chụp lại).



Các cựu chiến binh thuộc kíp xe 390 ngày 30-4-1975 cùng lãnh đạo Tổng cục Chính trị, Binh chủng Tăng-Thiết giáp trong ngày lễ đón nhận danh hiệu “Bảo vật quốc gia” cho xe tăng 390.



Xe tăng 390 trong sân Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975 (ảnh chụp lại)

Với lịch sử và chiến công như vậy, xe tăng 390 được công nhận là “hiện vật gốc, độc bản; là hiện vật ảnh hưởng tích cực đến sự kiện trọng đại của đất nước, biểu tượng cho sức mạnh chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong Đại thắng mùa Xuân 1975”.

**Nguyễn Hồng (thực hiện)
Báo Quân đội nhân dân**

Trận đánh Tân Sơn Nhất của người lính biệt động

Mưu trí vô song, kiên trung bất khuất”, 8 chữ vàng mãi mãi dành tặng cho những người chiến sĩ biệt động Sài Gòn can trường, quả cảm.

Ngày vui đại thắng

Trong căn nhà nhỏ trên đường Trần Quốc Tuấn, quận Gò Vấp (TP Hồ Chí Minh), chiến sĩ biệt động Sài Gòn Huỳnh Phi Long, đã ở tuổi 76 như đang sống lại những kỷ ức một thời oanh liệt.



Ông Huỳnh Phi Long sau ngày giải phóng miền Nam

Kể về những ngày cuối tháng 4/1975, ông cùng anh em chiến sĩ Tiểu đoàn 4, Trung đoàn Gia Định, hiệp đồng tổ chức với các đơn vị khác đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, ông nói đó là những ngày chứa chan hạnh phúc của ông và

đồng đội, vì niềm tin về cuộc tổng tiến công thần tốc sẽ toàn thắng để giành độc lập cho dân tộc.

“Tiếng pháo nổ rền trời, tiếng súng AK giòn giã, tiếng “rôm rốp” của bánh xích xe tăng T54 quân giải phóng cán nát chiếc mũ cối, bình toong... của quân địch nằm vương vãi trên đường tiến quân vào Sài Gòn, những ngày đó làm sao quên được trong ký ức của chúng tôi. Lúc ấy, Tiểu đoàn 4 đặc công nhận nhiệm vụ đặt bộc phá DH10 phá hủy hệ thống hàng rào thép gai bảo vệ sân bay, mở cửa ngõ đưa đơn vị tăng vào đánh chiếm”.

Ông nhớ lại, vào giữa năm 1974, ông là Đại đội trưởng Đại đội 2 biệt động Sài Gòn (Đoàn 195) nhận lệnh ém quân, xây dựng lực lượng tại An Phú Đông (Gò Vấp) để chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng miền Nam 1976. Tuy nhiên, thời cơ đến sớm hơn dự định. Tháng 4/1975, Đại đội của ông nhận lệnh sát nhập vào Tiểu đoàn 4, Trung đoàn Gia Định, để thực hiện nhiệm vụ tiên phong cho cánh quân chủ lực tấn công sân bay Tân Sơn Nhất ở hướng Đông. “Trước ngày 29/4, anh em đặc công trong Tiểu đoàn 4 đã âm thầm đặt bộc phá DH10. Vào chiều ngày 29/4, chúng tôi bắt đầu tiến sát vào xã Thông Tây (Gò Vấp), khu vực sát sân bay Tân Sơn Nhất để chờ lệnh tiến công”, ông kể. Lúc đó là 3 giờ 15 phút sáng ngày 30/4, pháo kích bắt đầu tấn công dồn dập vào sân bay, lực lượng Tiểu đoàn 4 kích hoạt bộc phá, tiếng nổ long trời đã phá nát hệ thống hàng rào bảo vệ sân bay của địch. “Lúc đó, chúng tôi chỉ chờ xe tăng của quân ta ập tới, sẽ cùng tiến vào sân bay.

Tuy nhiên, do tình hình thay đổi, sân bay đã bị tê liệt do những đợt tấn công của quân ta, lực lượng tăng không vào sân bay mà chuyển hướng tấn công. Do vậy, chúng tôi nhận lệnh chiếm xã Thông Tây để chặn đứng đường thoát của khoảng 1.000 tàn quân ngụy chạy về Bình Dương và Hóc Môn. Kẻ địch hoàn toàn thất thủ, nhưng như vậy cũng chưa im tiếng súng” - ông kể thêm.

Dù trưa ngày 30/4, Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng, nhưng trong đêm 30/4, Tiểu đoàn 4 vẫn tiếp tục nổ súng để tiêu diệt gọn toán tàn quân biệt kích dù của ngụy có ý định tiêu diệt Ban chỉ huy Tiểu đoàn 4. Ông nhớ lại: “Chúng tôi phát hiện có dấu hiệu khoảng 12 tên địch có ý đồ men theo đường dây liên lạc để tới lán trại Ban chỉ huy Tiểu đoàn.

Đúng như dự tính, đêm 30/4, toán địch lên vào, đúng ngay tầm bắn, anh em bao vây xung quanh nổ súng tiêu diệt toàn bộ. Sáng ngày 1/5, chúng tôi nhận lệnh vào tiếp quản sân bay khoảng 1 tuần, sau đó tiếp quản nhiều vị trí khác theo lệnh của cấp trên”.

Người lính trung kiên

Sau câu chuyện mùa xuân đại thắng 1975, người lính Huỳnh Phi Long ngậm ngùi nhớ lại những ngày tháng hoạt động trong nội thành. Ông cùng các chiến sĩ biệt động Sài Gòn đã thực hiện nhiều nhiệm vụ táo bạo, tổ chức các trận đánh bất ngờ, tiêu diệt kẻ địch ngay tại đầu não quân thù vào thập niên 60.

Như trận đánh tàu Mỹ Cảnh vào ngày 20/6/1965, một trong những trận đánh trong lòng địch gây tiếng vang, khiến bọn Mỹ, ngụy phải kinh ngạc, khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa bọn chúng.

“Có thể kể đến như trận tiêu diệt bọn cố vấn Mỹ tại bến xe buýt đường Hồng Bàng, tiêu diệt bọn cảnh sát địch tại sân tập Bình Thới, quận 1... đã khiến bọn chúng điên đầu. Còn trận đánh tàu Mỹ Cảnh là chúng tôi trả thù cho đồng chí Trần Văn Đang, một chiến sĩ biệt động vừa bị bọn chúng tử hình trước đó”, ông bồi ngùi nói.

Trong cuộc đời hoạt động của người chiến sĩ biệt động Sài Gòn, ông đã từng bị địch bắt tra khảo. “Ngày 11/11/1966, chúng tôi nhận lệnh đánh bom để phá hoại hoạt động chào mừng ngày quốc khánh của chế độ Việt Nam Cộng hòa. Ngày 29/10/1966, tôi bị địch bắt tại cầu Cây Gõ, quận 6 khi vận chuyển lựu đạn chuẩn bị cho trận đánh.



Người lính biệt động Sài Gòn Huỳnh Phi Long.

Chúng đưa tôi về Ty 7 (Bến Bình Đông), Tổng Nha cảnh sát ngụy, tra khảo dã man trong vòng 7 ngày, sau đó đưa tôi về trại giam Chí Hòa và cuối cùng là trại tù Côn Đảo. Những năm tháng đó, tôi cùng nhiều anh em khác chịu đựng không biết bao nhiêu đòn roi tra tấn, nhiều màn tra khảo khủng khiếp nhưng vẫn kiên trung với Đảng và nhân dân.

Ông kể, trong những ngày tháng bị giam cầm ở Côn Đảo, địch biệt giam ông và nhiều chiến sĩ cách mạng khác ở chuồng cạp vì ngay trong chốn lao tù, ông và những chiến sĩ kiên trung khác vẫn tiếp tục đấu tranh, chống chào cờ, hát quốc ca địch, đòi tuyệt thực để thả tự do cho những người không án, anh em bệnh tật... Mãi đến khi Hiệp định Paris được ký kết, ông mới được địch trao trả tù bình vào ngày 21/3/1973.

Chào tạm biệt người lính biệt động Sài Gòn, chúng tôi vẫn cảm nhận được “chất lửa” trong cái bắt tay của ông thật chặt, trong giọng nói, trong ánh mắt của người lính ở đơn vị được đất nước ghi danh với 8 chữ vàng “Mưu trí vô song, trung kiên bất khuất”.

Trên ngực áo màu xanh người lính, những tám huân, huy chương được Đảng, Nhà nước trao tặng cho ông như lời thề son sắc của người lính giải phóng quân năm xưa “Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”

Bài và ảnh: Anh Đức – Báo Tin tức TTXVN

Trận quyết chiến cuối cùng trên cầu Rạch Chiếc

Tháng 4/1975, sau khi thất bại tại Xuân Lộc, địch co cụm về Sài Gòn tử thủ. Lúc này, cầu Rạch Chiếc - cửa ngõ phía Đông vào Sài Gòn, được chính quyền Sài Gòn tăng cường hàng ngàn quân lính cùng nhiều vũ khí hiện đại để giữ cầu, thậm chí sẵn sàng đánh sập để ngăn quân ta tiến vào Sài Gòn.

Những ngày chiến đấu chiếm và giữ cầu đến giờ vẫn in đậm trong tâm trí ông Nguyễn Đức Thọ, Trung úy Z23, Lữ đoàn đặc công - biệt động 316. Ông cũng là người đã bắn phát B40 đầu tiên mở màn trận đánh tại cầu Rạch Chiếc.



Ông Nguyễn Đức Thọ rất xúc động khi nhớ lại trận quyết chiến tại cầu Rạch Chiếc năm xưa.

Trận chiến cuối cùng

“Trận chiến tại cầu Rạch Chiếc được xem là một trong những trận đánh ác liệt cuối cùng của chiến dịch Hồ Chí Minh, tạo bàn đạp cho cánh Đông quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Vì vậy, để chiếm được chiếc cầu, tất cả các đơn vị Z23, Z22 (đại đội đặc công nước) và Tiểu đoàn 81 (D81, đặc công khô) thuộc Lữ đoàn 316 thuộc Bộ Tham mưu Miền đều tham gia”, ông Nguyễn Đức Thọ kể.

Lúc ấy, sau khi trinh sát, các đơn vị đã thống nhất ngày 27/4/1975 sẽ bắt đầu

đánh chiếm cầu. Trước đó, tối 26/4, các đơn vị đã tập hợp, bàn bạc thống nhất chọn phương án đánh cường tập, dùng B40 - B41 tiêu diệt các hỏa điểm chủ yếu của địch.

Ông Nguyễn Đức Thọ sinh năm 1955 tại Thanh Hóa. Năm 17 tuổi, ông tình nguyện nhập ngũ bằng một bức huyết thư. Năm 20 tuổi, ông tham gia trận đánh cầu Rạch Chiếc. Đến năm 1982, ông ra quân với hàm trung úy. Hiện nay, ông đang sống cùng gia đình và con cháu tại phường 4, quận 8, TP Hồ Chí Minh.

Theo đó, toàn bộ lực lượng áp sát mục tiêu đồng loạt dùng thủ pháo, lựu đạn ném vào lô cốt, công sự địch. Sáng 27/4, sau khi được trang bị vũ khí là B40 - 41, thủ pháo, lựu đạn... các đơn vị bắt đầu vào trận chiến. Đúng 17 giờ ngày 27/4, đồng chí Tư Thịnh hạ lệnh chiến đấu. D81 được phân đánh chiếm giữ đầu cầu phía Nam (hướng Sài Gòn ra), Z22 - Z23 thì đánh đầu cầu phía Bắc (hướng Thủ Đức vào).

“Khi giờ G tới, tôi được phân công bắn phát B40 đầu tiên tiêu diệt tháp canh, tuy nhiên tôi lại bắn hụt mục tiêu. Ngay lúc đó, thượng sĩ Trần Đình Lạc bên cạnh hô: “Bắn tiếp Thọ ơi”. Tôi đứng thẳng dậy, bắn tiếp quả thứ hai làm một góc tháp canh sụp đổ, đại liên im bật. Lúc này, các mũi tấn công của ta đồng loạt dùng thủ pháo, lựu đạn ném vào lô cốt công sự khiến đối phương bất ngờ, bỏ chạy”, ông Thọ sôi nổi kể.

Vì đã được chuẩn bị kỹ càng nên trận đánh diễn ra nhanh và thuận lợi, quân ta làm chủ trận địa mà không bị thương vong. Tuy nhiên, ngay sau đó, địch đã

chống trả quyết liệt. Từ căn cứ Thủ Đức, Cát Lái, địch dùng đạn pháo và từ tàu chiến bắn tới cầu Rạch Chiếc liên tục đến sáng.



Trận quyết chiến tại cầu Rạch Chiếc tạo bàn đạp cho quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975

“Sau nhiều lần chống trả không thành, địch phát hiện sử dụng đạn pháo không hiệu quả, bởi đây là vùng sinh lầy, nước sâu, nên chuyển sang đạn pháo chụp nổ từ trên cao. Vì vậy, rất nhiều anh em của các đơn vị đã hy sinh như anh Chiến, đồng chí Hiền... Còn anh Thành - quyền Đại đội trưởng Z22, thì bị thương gãy một chân... Trước tình hình khá nguy cấp, cấp trên đã hạ lệnh cho chúng tôi rút lui. Sáng 29/4, cả Z22 và Z23 chỉ còn lại 29 người”, giọng ông run run.

Tuy nhiên, đến 5 giờ sáng ngày 30/4/1975, những chiến sỹ còn lại của Lữ đoàn 316 lại được lệnh nổ súng tiếp. Lúc này, địch tập trung rất đông tại cầu, nhưng chủ yếu là số quân vừa thất trận ở Xuân Lộc, Long Thành, nên tinh thần chúng rất hoang mang

“Vừa nghe tiếng súng chúng đã hoảng sợ, chống trả yếu ớt. Đến 7 giờ sáng ngày 30/4, lực lượng đi đầu của Quân đoàn 2 ta tới cầu Rạch Chiếc. Chúng tôi phấn khởi, mừng rỡ khôn xiết. Như vậy, chỉ có 200 chiến sỹ đặc công, biệt động, chiến đấu với hơn 2.000 quân địch, nhưng chúng ta đã thắng lợi, chiếm giữ và bảo vệ an toàn cây cầu huyết

mạch, mở thông cánh cửa phía Đông đón đại quân tiến vào Dinh Độc Lập”.

Miệt mài tìm đồng đội

Sau ngày giải phóng, ông Thọ đã nhiều lần về lại chiến trường xưa tìm đồng đội. Công việc rất gian nan và vất vả. Ông tâm sự: “Kết thúc trận chiến cầu Rạch Chiếc, đã có 52 người lính của Lữ đoàn 316 hy sinh ngay trong ngày chiến thắng. Vì vậy, sau ngày giải phóng, tôi đã về chiến trường xưa tìm đồng đội.

Tuy nhiên, tháng 7/1975, Lữ đoàn 316 giải tán, nên tôi gặp nhiều khó khăn trong việc chứng nhận, xác minh cho các đồng đội đã khuất. Hiện mới chỉ có hài cốt của liệt sỹ Nguyễn Văn Thát và Lê Trọng Việt được quy tập về nghĩa trang liệt sỹ Thủ Đức. Cùng với đó, tính đến nay tôi đã tìm được khoảng 6 đồng đội của mình đưa về nghĩa trang”.

Cây cầu Rạch Chiếc nay vẫn đang có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, nối các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, miền Trung... với TP Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Hiện nay, cây cầu đã được xây mới có chiều dài 540,9 m, rộng 46 m.

Có thể nói, dù trong thời chiến hay thời bình, cây cầu đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình. Đồng thời, trong lòng thế hệ con cháu Việt Nam hiện tại và mai sau sẽ ghi nhớ chiến công anh dũng của những chiến sỹ đặc công năm xưa, bởi chính các anh đã góp phần xương máu quý giá làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Mỗi lần nhắc về trận đánh cầu Rạch Chiếc, những người còn sống như ông Nguyễn Đức Thọ và con cháu của những người lính đã hy sinh tự hào vì có một Lữ đoàn 316 đặc công - đơn vị đã 3 lần được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, đã chiến đấu anh dũng, bảo vệ cây cầu an toàn cho đến phút cuối cùng.

Bài và ảnh: Hoàng Tuyết - Báo Tin tức

TRIỂN KHAI LỰC LƯỢNG CHUẨN BỊ CHO CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Ngày 18/4/1975: Ta tiến công thị xã Phan Thiết

Ngày 18/4/1975, tại thị xã Phan Thiết, Trung đoàn 18 (Sư đoàn 325) và các đơn vị binh chủng hợp thành của ta đã phối hợp với Trung đoàn 812 lực lượng Quân khu 6, tiểu đoàn 15 bộ đội địa phương tỉnh Bình Thuận tiến công thị xã.

Cùng ngày, Bộ Chính trị điện khẩn cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Thời cơ quân sự, chính trị để mở cuộc tiến công vào Sài Gòn-Gia Định đã chín muồi.

Ta cần tranh thủ từng ngày kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không thể để chậm. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc thắng. Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định toàn thắng.

Sau khi phòng tuyến Phan Thiết bị quân giải phóng đánh chiếm, ở Sài Gòn, Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút quân khỏi Xuân Lộc về “tử thủ” Long Bình, Biên Hòa.

Ngày 19/4/1975: Tỉnh Bình Thuận hoàn toàn được giải phóng; Ta bao vây, chia cắt địch ở thị xã Xuân Lộc

Ngày 19/4/1975, tỉnh Bình Thuận hoàn toàn được giải phóng. Đội hình tiến công của binh đoàn Hương Giang ào ạt đánh qua tỉnh Bình Tuy tiến về thị xã Xuân Lộc.

Tại Xuân Lộc, các trận chiến diễn ra ác liệt. Sư đoàn 341 đã chiếm được khu cổ vấn Mỹ, trung tâm thông tin, ty cảnh sát, khách sạn, bến xe...; đập tan phản kích của 3 tiểu đoàn địch, giữ vững các vị trí. Sư đoàn 7 tiến công hướng phía Đông thị xã. Ta và địch giành giật nhau từng đoạn hào, căn nhà, góc phố. Địch điều lực lượng lên tăng cường đánh phá dữ dội, thậm chí, chúng còn sử dụng bom CBU-55 có sức sát thương lớn, gây cho ta thiệt hại đáng kể.

Bộ Tư lệnh miền và binh đoàn Cửu Long quyết định chuyển cách đánh. Pháo binh của binh đoàn Cửu Long bắn mãnh liệt vào Trung đoàn 43, 48 (Sư đoàn 18) và Lữ đoàn dù 1 của địch, chi viện bộ binh diệt từng bộ phận quân địch. Pháo cơ giới và pháo mang vác của đoàn 113 đặc công miền liên tục đánh phá sân bay Biên Hòa. Sư đoàn 6 Quân khu 7, Trung đoàn 95 đánh chiếm chi khu Túc Trưng, Kiên Tân, diệt Trung đoàn 52, đánh lui Lữ đoàn 3 kỵ binh ngụy, chiếm ngã ba Dầu Giây. Đường 1 từ Biên Hòa đi Xuân Lộc bị cắt đứt. Thị xã Xuân Lộc hoàn toàn bị bao vây, cô lập.

Tại Sài Gòn, các tướng tá sĩ quan quân đội Sài Gòn và các nhóm đối lập kiên quyết đòi Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu từ chức.



Quân giải phóng phát triển tiến công đánh chiếm Sở chỉ huy sư đoàn 18 ngụy trong Chiến dịch Xuân Lộc tháng 4-1975. Ảnh tư liệu.

Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn Ma Tin điện khẩn về Mỹ báo cáo: “Các đơn vị quân Bắc Việt Nam đang cùng một lúc hội tụ về khu vực Sài Gòn rộng lớn từ mọi hướng, với một lực lượng hậu bị to lớn hơn lực lượng Chính phủ (Sài Gòn) rất nhiều, có khả năng bao vây và cô lập thành phố trong vòng 1 hay 2 tuần nữa. Quân Bắc Việt Nam có khả năng hầu như ngay tức khắc loại trừ những lực lượng tăng cường của Chính phủ”.

Ngày 20/4/1975: Truy kích địch rút chạy khỏi Xuân Lộc; Ta triển khai lực lượng chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đêm 20/4/1975, trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân địch ở Xuân Lộc rút chạy theo đường liên tỉnh số 2 về Bà Rịa.

Binh đoàn Cửu Long và các đơn vị Quân khu 7 của ta đã chặn đánh và tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, bắt đại tá tỉnh trưởng Long Khánh.

Lúc này, lực lượng đi đầu của binh đoàn Hương Giang (cánh quân phía Đông) đã tiến tới Rừng Lá, cách Xuân Lộc gần 20 km. Binh đoàn Hương Giang cùng với binh đoàn Cửu Long, Sư đoàn 3 Quân khu 5 và lực lượng vũ trang các địa phương đã hình thành nên một mũi vu hồi ở phía Đông, Đông Nam Sài Gòn.

Thực hiện việc triển khai lực lượng chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, cùng ngày, Trung đoàn 148 (Sư đoàn 316, Quân đoàn 3) đã đánh chiếm cứ điểm Bầu Nâu, Trà Võ, làm chủ một đoạn dài 7 km trên đường 22 từ Cẩm An đến Bến Mương. Sư đoàn 5 (Đoàn 232) tiến công khu vực phòng thủ của địch ở Thủ Thừa-Bến Lức, mở đường đưa binh khí kỹ thuật xuống bắc đường 4.



Quân giải phóng trên xa lộ Biên Hòa tiến vào nội đô Sài Gòn . Ảnh: Vũ Tạo - TTXVN.

Sư đoàn 4 Quân khu 9 đưa lực lượng áp sát Cần Thơ. Bộ đội đặc công của ta đánh phá và khống chế sân bay Trà Nóc. Đại đội công binh 11 (Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 7, Quân đoàn 3) đã ghép xong phà 50 tấn qua Bến Cui; đại đội công binh 5 hoàn thành ghép phà qua Bến Tranh, chuẩn bị cho các lực lượng của các binh đoàn cơ động vào vị trí tập kết, chuẩn bị cho Chiến dịch.

Theo TTXVN-TTTL

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH: TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC



Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập.
Ảnh: qdnd.vn.

QĐND Online - Trải qua hơn một tháng liên tục tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân sự và hệ thống chính quyền ngụy ở hai quân khu, quân đoàn địch, giải phóng 16 tỉnh, 5 thành phố cùng nhiều quân ly, chi khu, yếu khu quân sự. Còn địch bị mất lực lượng và phần đất ở quân khu 1, 2, đồng thời bị thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng ở Nam Bộ, tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu gào thét “tử thủ” ở phần đất còn

lại, địch tổ chức nhiều tuyến phòng thủ bảo vệ Sài Gòn, trong đó tập trung tăng cường hướng Bắc và Tây bắc. Về phía ta, với những thắng lợi lớn trong các chiến dịch và sự trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân Việt Nam, đây là điều kiện để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, ta đã tập trung mọi lực lượng để mở chiến dịch, nhằm đánh vào đầu não và lực lượng quan trọng nhất của chính quyền và quân đội Sài Gòn, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trên chiến trường, địch bố trí lực lượng có Quân đoàn 3 (gồm bốn sư đoàn bộ binh 22, 25, 5 và 18), sư đoàn thủy quân lục chiến, 2 lữ đoàn dù, 1 lữ đoàn kỵ binh thiết giáp, 3 liên đoàn biệt động quân, 19 tiểu đoàn pháo binh, 800 máy bay, 862 tàu hải quân cùng lực

lượng bảo an, cảnh sát, phòng vệ dân sự.

Về phía ta, tham gia chiến dịch có 4 quân đoàn (1, 2, 3, 4) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn); tổng số lực lượng gồm 15 sư đoàn, 1 lữ đoàn và 4 trung đoàn bộ binh, 20 lữ đoàn, trung đoàn và 8 tiểu đoàn pháo binh, 3 lữ đoàn, trung đoàn và 6 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 8 lữ đoàn, trung đoàn và 2 tiểu đoàn đặc công, 1 trung đoàn tên lửa, một bộ phận không quân, hải quân cùng lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân trên địa bàn chiến dịch. Bộ Tư lệnh chiến dịch do đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy.



Quân Giải phóng chiếm trường Thiết giáp của ngụy tại căn cứ Nước Trong (Biên Hòa). (Ảnh: Hứa Kiêm/TTXVN)

Ngày 26-4, ta hình thành thế bao vây Sài Gòn từ 5 hướng: hướng Tây Bắc - Quân đoàn 3; hướng Bắc - Quân đoàn 1; hướng Đông Nam - Quân đoàn 2; hướng Đông - Quân đoàn 4; hướng Tây và Tây Nam - Đoàn 232 và Sư đoàn 8 (Quân khu 8). Đúng 17 giờ ngày 26-4, chiến dịch bắt đầu. Từ ngày 26 đến ngày 28-4, ta đột phá tuyến phòng thủ vòng ngoài, đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng: Long Thành, Trảng Bom, Nhơn Trạch, thị xã Bà Rịa...; cắt đứt hoàn toàn đường 4 từ Sài Gòn đi các tỉnh miền Tây; chế áp, làm tê liệt các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất. Ngày 29-4, ta tiêu diệt các tập đoàn phòng ngự chủ yếu của địch ở vòng ngoài và vùng ven, đánh chiếm các căn cứ Nước Trong, Long Bình, Thành Tuy Hạ, Đồng Dù, thị

xã Hậu Nghĩa.... Sáng ngày 30-4, tổng công kích vào nội thành Sài Gòn, nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu then chốt: Sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu, Biệt khu Thủ Đô, Tổng nha cảnh sát...; đến 11 giờ 30 phút, ta chiếm dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Cùng với đòn tiến công quân sự, nhân dân nội thành, ngoại thành Sài Gòn nổi dậy giành chính quyền ở 107 điểm. Nắm vững thời cơ chiến lược, ngày 1-5, quân và dân Khu 8, Khu 9 tiến công và nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng còn lại của địch ở đồng bằng sông Cửu Long, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

Kết quả, ta tiêu diệt, làm tan rã khoảng 250.000 tên địch, gồm 7 sư đoàn bộ binh, 5 lữ đoàn dù, kỵ binh thiết giáp, pháo binh, 4 sư đoàn không quân... thu 500 khẩu pháo, trên 400 xe tăng, xe bọc thép, 800 máy bay, 600 tàu chiến, 3.000 xe quân sự, 270.000 khẩu súng các loại; giải phóng TP Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh Tân An, Gò Công, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa.



Nhân dân Sài Gòn nô nức đổ ra đường đón Quân giải phóng. Ảnh tư liệu.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là một điển hình về hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, các binh chủng, quân chủng, sự kết hợp trên quy mô lớn giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng; đòn quyết chiến chiến lược táo

bạo, kịp thời, chính xác, kết thúc chiến tranh. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đi tới thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Việc tạo thời cơ, nắm bắt và tranh thủ thời cơ phụ thuộc rất lớn vào thế và lực của ta trên chiến trường. Vì thế, trước khi bước vào chiến dịch, ta đã có một thế trận chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao. Đó là thế trận của hai lực lượng, ba thứ quân, thế trận bảo đảm cho thực hiện hai đòn tiến công chiến lược là tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Bằng một loạt các hoạt động quân sự của ta trước chiến dịch, ta đã tạo được thế bao vây chia cắt Sài Gòn, lập được hành lang chiến lược nối từ hậu phương trực tiếp đến chiến trường, hành lang đó ngày càng được mở rộng và hoàn chỉnh. Các lực lượng ba thứ quân của ta đã đứng chân được ở những vị trí xung yếu. Về lực, với thắng lợi của các đòn quân sự trước chiến dịch trên toàn miền, ta đã làm suy giảm lực lượng địch bằng những trận tiêu diệt lớn (địch đã bị thiệt hại tới 35% quân số, 40% cơ sở hậu cần, 40% binh khí kỹ thuật). Ta đã thực hiện chia cắt chiến lược giữa đồng bằng Sông Cửu Long và Sài Gòn. Do có ý đồ chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược từ trước nên ta đã xây dựng được các binh đoàn chủ lực mạnh.

Về so sánh lực lượng địch, lúc này, ta đã đạt tỉ lệ áp đảo 1,7/1 với chủ lực và 3/1 với số đơn vị tập trung. Về binh khí kỹ thuật, ta đã tập trung được 516 khẩu pháo mặt đất, 550 tên lửa và pháo phòng không, 1 đại đội máy bay A37, 320 xe tăng, xe thiết giáp, 1.600 xe kỹ thuật chiến đấu, hơn 10.000 xe vận tải, 60.000 tấn vật chất (15.000 tấn đạn). Về lực lượng nổi dậy, ta đã tăng cường 1.700 cán bộ cho vùng ven và nội thành, có hơn 1.200 đảng viên và 10.000 quần chúng nòng cốt, 40 vùng lõm chính trị với 7.000 quần chúng làm chủ có mức độ, 400 tổ chức công khai với 25.000

người do ta nắm. Rõ ràng, cả thế và lực ta đều áp đảo địch.

Từ nghiên cứu kỹ thực tế chiến trường, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã đi đến kết luận đúng về hai đối tượng tác chiến chủ yếu của chiến dịch là các sư đoàn chủ lực của chúng bố trí ở vòng ngoài và cơ quan đầu não về quân sự chính trị ở nội đô. Hai đối tượng này có quan hệ mật thiết với nhau, đối tượng thứ nhất bị tiêu diệt sáng tạo, đó là kết hợp với thế trận đã được chuẩn bị trước, hình thành thế trận hợp vây lớn, chia cắt hiểm, kết hợp chặt chẽ và phát huy cao độ uy lực của các binh đoàn chủ lực, của lực lượng vũ trang tại chỗ và nổi dậy của quần chúng. Dùng từng bộ phận lực lượng thích hợp trên từng hướng, đủ sức bao vây chia cắt, chặn giữ quân địch lại, không cho chúng rút chạy về Sài Gòn. Tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh phòng thủ vòng ngoài của địch; đồng thời sử dụng một lực lượng chủ lực cùng lực lượng tại chỗ đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đội được cơ giới hóa và trang bị mạnh, đánh địch trong hành tiến, thọc sâu theo các trục đường, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ tập đoàn phòng ngự lớn của địch tại trung tâm đầu não của chúng.



Tổng thống Dương Văn Minh và nội các chính quyền ngụy Sài Gòn đầu hàng quân giải phóng ngày 30/4/1975. Ảnh tư liệu TTXVN

Chiến dịch Hồ Chí Minh cũng là một điển hình về sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, cả binh chủng và quân chủng, sự kết hợp trên quy mô lớn ba mũi giáp công, tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng. Chiến dịch Hồ Chí Minh - chiến dịch tiến công quy mô lớn nhất của ta, thực sự là đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng, bước phát triển nhảy vọt lớn nhất về sức mạnh và nghệ thuật chiến đấu của toàn quân và toàn

dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Th.s Nguyễn Trọng Thành (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam)

Báo Quân đội nhân dân

CHIẾN THẮNG VĨ ĐẠI MÙA XUÂN 1975

Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 đến 30/4/1975) là đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi vĩ đại nhất, trọn vẹn nhất, kết thúc 30 năm chiến tranh lâu dài, gian khổ chống ngoại xâm của dân tộc ta, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chiến dịch lịch sử



Xe tăng của bộ đội ta tiến vào Dinh Độc Lập. Ảnh tư liệu

Lúc này, tập đoàn phòng ngự lớn của địch ở Sài Gòn - Gia Định tuy số lượng còn đông nhưng đã bị chia cắt, cô lập cao độ và sức chiến đấu đã giảm sút hẳn.

Lực lượng của địch ở vòng ngoài còn mạnh, song bên trong yếu, sơ hở, không có khả năng tăng viện. Ta cũng nhận định, Mỹ khó có khả năng can thiệp trở lại bằng lực quân, khả năng can thiệp bằng không quân và hải quân càng hạn chế.

Ngày 31/3, Bộ Chính trị họp nhận định: "Thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã hoàn toàn chín muồi. Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc".

Bộ Chính trị nhấn mạnh: "Phải nắm vững hơn nữa thời cơ chiến lược, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không để chậm". Để thực hiện quyết tâm đó, Bộ Chính trị quyết định tập trung lực lượng chỉ đạo giành thắng lợi trong trận quyết chiến lịch sử này. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định được mang tên là "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Lúc này, chế độ ở Sài Gòn là không thể cứu vãn, song Mỹ vẫn chưa từ bỏ tham vọng vớt vát về chính trị. Mỹ vừa tung tin dọa dẫm ta vừa đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, gây sức ép với ta

nhằm ngăn chặn cuộc tổng tiến công của ta vào Sài Gòn.

Ngày 21/4, theo chủ trương của Mỹ, Tổng thống ngưng quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu từ chức, Trần Văn Hương lên thay và kêu gọi “ngừng bắn để thương lượng”.

Ngày 26/4, khi Thiệu vừa chạy tới Đài Loan (Trung Quốc), thì Trần Văn Hương lại phải từ chức để nhường chỗ cho con bài chót của Mỹ là Dương Văn Minh. Song âm mưu của Mỹ chỉ là ảo tưởng. Giờ cáo chung của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam đã điểm.

17 giờ ngày 26/4/1975, các lực lượng của ta trên tất cả 5 hướng là: Tây Bắc, Bắc và Đông Bắc, Đông và Đông Nam, Tây và Tây Nam, vùng ven và nội thành Sài Gòn, nhất loạt tấn công địch với sức mạnh vũ bão, mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Những trận chiến đấu quyết liệt và những trận bão lửa dữ dội diễn ra trước hết ở hướng đông là hướng địch tập trung nhiều lực lượng và tổ chức chống cự rất điên cuồng. Ngày 27/4, ta giải phóng tỉnh Phước Tuy, chiếm và giữ các đầu cầu vào nội thành Sài Gòn.

Ngày 28/4, ta tăng cường vây ép Sài Gòn trên các hướng; bao vây, ngăn chặn không cho các Sư đoàn chủ lực của địch co cụm về vùng ven nội thành. Trong ngày 29/4, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh chỉ thị: “Tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch; tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng”.

Ngày 29/4, ta tổng tiến công trên toàn mặt trận, ngăn chặn và tiêu diệt các tập đoàn địch ở vòng ngoài, thọc sâu đánh chiếm các địa bàn quan trọng ở vùng ven, chuẩn bị đồng loạt đánh vào nội đô. Tính đến cuối ngày 29/4, bộ

đội ta đã đập tan tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn các Sư đoàn 5, 25, 18, 22, 7 của quân ngụy.

Các binh đoàn thọc sâu đã tiến đến vùng ven, cách trung tâm Sài Gòn từ 10 đến 20 km. Các lực lượng vũ trang tại chỗ hoạt động mạnh trên các địa bàn, giữ vững các cầu trên đường vào thành phố.

Miền Nam toàn thắng

Sáng ngày 30/4, Đại sứ Mỹ Graham Martin chạy khỏi Sài Gòn. 5 giờ sáng ngày 30-4, với sự hiệp đồng chiến đấu rất anh dũng của các lực lượng đặc biệt tinh nhuệ, các lực lượng biệt động, tự vệ vùng ven và nội đô, cùng với sự nổi dậy đều khắp và rất kịp thời của quần chúng trong và ngoài thành phố, các cánh quân hùng mạnh đã thần tốc thọc sâu, tiến thẳng vào chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố Sài Gòn - Gia Định: Dinh Độc lập (tức Phủ Tổng Thống ngụy), Bộ Tổng tham mưu và Khu Bộ tư lệnh các binh chủng của địch, sân bay Tân Sơn nhất, Đài Phát thanh, Biệt khu thủ đô và Tổng Nha cảnh sát.

Binh đoàn hỗn hợp của Quân đoàn 2 chiếm Dinh Độc lập lúc 10 giờ 45 phút, bắt toàn bộ nội các ngụy quyền Sài Gòn, buộc Dương Văn Minh phải lên đài phát thanh Sài Gòn tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện. 11 giờ 30 phút, ngày 30/4/1975, ta kéo cờ chiến thắng trên nóc Dinh Độc Lập.

Đúng giờ phút ấy, nhân dân cả nước reo mừng khi được tin Sài Gòn được giải phóng. Nhân dân Hà Nội đổ ra đường, tung hoa, vẫy cờ, mít tinh, tuần hành và hô vang khẩu hiệu: “Hoan hô miền Nam hoàn toàn giải phóng”, “Tổ quốc Việt Nam anh hùng muôn năm”. Trên đà chiến thắng, đến ngày 1/5, cơ bản các tỉnh, thành phố trên đất liền, các đảo và quần đảo ở biển Đông

trên toàn miền Nam được hoàn toàn giải phóng.



Sáng 30/4/1975, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3 đánh chiếm Sân bay Tân Sơn Nhất. (ảnh tư liệu)

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ta đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng chủ lực, địa phương và cảnh sát thuộc quân khu 3 ngụy, lực lượng tổng trừ bị còn lại và tàn quân của quân đoàn 1 và 2. Đập tan hệ thống chính quyền ngụy từ trung ương đến cơ sở...

Ta thu được hầu hết toàn bộ vũ khí kỹ thuật hiện đại, căn cứ, kho tàng của địch. Nhân dân trong khu vực chiến dịch hầu như không bị tổn thất, thành phố gần như nguyên vẹn, các cơ sở vật chất về quân sự, kinh tế, sinh hoạt ta đều thu được. Mọi hoạt động của thành phố trở lại bình thường.

Ngay sau đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã gửi điện tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh cùng đồng bào Sài Gòn - Gia Định.

Bức điện viết: “Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị bộ đội chủ

lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa Chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng”.

Thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định nghệ thuật của chiến tranh nhân dân Việt Nam, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp và thế trận lợi hại, với ưu thế áp đảo quân địch, đánh vào hệ thống phòng thủ lớn nhất của địch, thực hiện tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giành thắng lợi triệt để trong thời gian ngắn nhất (3,5 ngày).

Đây là chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, có sự hợp đồng binh chủng lớn nhất; được Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo trực tiếp, tập trung, sâu sát, kịp thời và sáng suốt.

Những bài học quan trọng để chiến thắng là: nắm bắt đúng thời cơ chiến lược, hạ quyết tâm mở chiến dịch kịp thời, chính xác; nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp cả lực lượng và thế trận; cách đánh chiến dịch đúng đắn, sáng tạo, đầy mưu lược, hiệu quả cao.

Thắng lợi của ta cũng là thất bại to lớn nhất của Mỹ từ trước tới nay, mở ra một kỷ nguyên mới cho phong trào cách mạng thế giới. Chiến thắng có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX.

Trần Tiến Duẩn

<http://www.baotintuc.vn>

Kết hợp giữa nổi dậy với tiến công trong chiến dịch Hồ Chí Minh

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch tác chiến hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn nhất trong chiến tranh giải phóng. Cùng với hoạt động tác chiến của các binh đoàn chủ lực còn có sự đồng loạt nổi dậy giành chính quyền của quần chúng nhân dân. Sự kết hợp giữa nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy đã phát huy cao nhất sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân, kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.



Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập (Ảnh tư liệu)

Sau một tháng mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mạnh mẽ trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã giành được thắng lợi lớn làm cho so sánh lực lượng giữa ta và địch đã có sự chuyển biến hoàn toàn có lợi cho ta. Trước thời cơ chiến lược, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam và chiến dịch Sài Gòn – Gia Định được mang tên “chiến dịch Hồ Chí Minh” (14-4-1975). Đúng 17 giờ ngày 26-4-1975, tiếng súng tiến công vào Sài Gòn của quân ta rền vang từ các hướng. Quân chủ lực từ 5 hướng có nhiệm vụ tiến vào đánh chiếm 5 mục tiêu quan trọng nhất đó là: Bộ tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát và dinh Độc Lập. Cùng với các mũi tiến công như vũ

bão của quân chủ lực tiêu diệt lực lượng phòng thủ vòng ngoài của địch thì lực lượng quần chúng nhân dân địa phương, du kích, biệt động, đặc công vùng ven Sài Gòn-Gia Định và nội thành đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 27-4, Quân đoàn 1 từ hướng Bắc tiến công giải phóng đường số 13; Quân đoàn 2 tiến công trên hướng Đông và Đông Nam đánh chiếm thị xã Bà Rịa và đánh chiếm cầu Sài Gòn; Quân đoàn 3 tiến công trên hướng Tây Bắc, cắt đứt đường số 22 và đường số 1, chặn không cho sư đoàn 25 quân đội Việt Nam cộng hòa về Đồng Dù; Quân đoàn 4 tiến công trên hướng Đông, đánh căn cứ Trảng Bom, Bầu Cá; Đoàn 232 tiến công trên hướng Tây Nam, Sư đoàn 5 cắt hoàn toàn đường số 4 từ Bến Lức đến Tân An. Phối hợp chặt chẽ cùng những đòn tiến công của quân giải phóng, quần chúng nhân dân ở Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức, Bình Chánh, Gò Vấp, Tân Bình... đã nổi dậy diệt ác, phá rã bộ máy chính quyền kìm kẹp của địch ở hầu hết các ấp, truy lùng ác ôn chờ thời cơ để nhanh chóng khởi nghĩa giành chính quyền.

Trước sức mạnh tiến công như vũ bão của quân và dân ta cùng với trận đánh của không quân vào sân bay Tân Sơn Nhất làm cho quân địch tại Sài Gòn thêm hoảng loạn. Hệ thống chính

quyền của địch ở cơ sở rệu rã, đây là thời cơ cho quần chúng nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Ở ngoại thành, nông dân nổi vùng lên đấu tranh trực diện với bọn tề xã đòi giải tán phòng vệ dân sự và giành chính quyền ở các xã và huyện. Cờ giải phóng được cắm khắp nơi đã cổ vũ quần chúng trong các xã vùng lên đập tan chính quyền địch ở địa phương.

Với tinh thần “một ngày bằng hai mươi năm”, đến ngày 29-4, cả năm cánh quân của ta đã khép chặt vòng vây đến nội đô Sài Gòn – Gia Định. Trong khi lực lượng chủ lực của ta đang tiến công căn cứ Đồng Dù, chính quyền địch ở các xã đang hoang mang lo sợ thì quần chúng nhân dân ở Tân Thạnh Đông, Trung An, Phú Hòa Đông, Tân Thông Hội, Phước Vĩnh An, Phước Hiệp, Phước Thạnh... được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương đã nổi dậy đánh chiếm các trụ sở tề, truy lùng ác ôn, giải tán phòng vệ dân sự.

Chiều ngày 29, tại Củ Chi lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với quần chúng các xã xung

quanh thị trấn giải phóng xong huyện lỵ. Dưới sự chỉ đạo của cán bộ cơ sở và được lực lượng vũ trang tại chỗ hỗ trợ, nhân dân đã tự giải phóng các huyện lỵ như: Bình Chánh, Cần Giuộc... công nhân các xí nghiệp Vimitêch, Vinatêchcô... nổi dậy chiếm xưởng, giữ gìn máy móc, kho bãi không cho địch phá hoại. Thành đoàn Sài Gòn – Gia Định đã tổ chức 5 điểm hướng dẫn nhân dân khởi nghĩa: Bàn Cờ, Phú Nhuận, Quận 4, Bình Hưng Hòa và Tân Sơn Nhì (Tân Bình).

Rạng sáng ngày 30-4-1975, năm cánh quân của ta đã đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào nội đô, không quân, pháo binh của ta nã đạn xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ở ngoại thành, quần chúng nhân dân kết hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ tự nổi dậy giành chính quyền ở 90% ấp, 2/3 số xã trước khi bộ đội tiến vào. Nhân dân huyện Hóc Môn nổi dậy chiếm lĩnh trại Bùi Như Lưỡng (Bộ chỉ huy trung tâm huấn luyện Quang Trung), tiếp quản và bảo quản kho xăng, kho lương thực, hướng dẫn bộ đội đánh chiếm Nhà đèn Chợ

Quán. Ở Thủ Đức, nhân dân kết hợp với lực lượng vũ trang xông vào chiếm dinh quận và ngọn cờ giải phóng đã tung bay trên dinh quận trưởng. Tự vệ công nhân nhiều cơ sở đã phối hợp với lực lượng đặc công, biệt động thành đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố, cùng nhân dân nổi dậy giành chính quyền, phá kìm, gỡ đồn bót, chiếm giữ nhiều tòa hành chính của Chính quyền Sài Gòn. Các đội tự vệ công nhân còn tham gia công tác binh vận góp phần làm tan rã hàng chục ngàn binh lính, công chức chế độ Sài Gòn. Trong nội thành, một bộ phận trong lực lượng phong trào chính trị đô thị đã nổi dậy kết hợp với quân cách mạng đánh chiếm các mục tiêu và căn cứ trong nội đô. Hầu hết nhân dân trong nội thành đã nổi dậy phá thế kìm kẹp, gỡ đồn bót, chiếm giữ tòa hành chính ở các quận, các công sở, các cơ sở kinh tế. Công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức xuống đường vận động nhân dân treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, hỗ trợ truy quét vây bắt bọn ác ôn còn lẩn trốn trong thành phố. Ở quận

5, nhiều bà con đã xông vào tước súng bọn phòng vệ dân sự bót và tập trung đồng bào chiếm lĩnh các phường An Đông, Chợ Quán, Trang Tử... Đến trưa ngày 30-4, hầu hết nhân dân các quận, huyện đã vùng lên giành chính quyền trước khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Thắng lợi của chiến dịch đã minh chứng cho sự phát triển của nghệ thuật kết hợp giữa tiến công với nổi dậy, nổi dậy với tiến công để đánh bại và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch, kết thúc chiến tranh. Sự kết hợp giữa tiến công quân sự của bộ đội chủ lực với nổi dậy của quần chúng nhân dân được thực hiện hết sức chặt chẽ, hiệu quả trong suốt chiến dịch. Trên cơ sở những đòn tiến công rất mạnh mẽ của quân chủ lực, đánh thẳng vào các trung tâm đầu não của địch, gây cho chúng hoang mang tột độ đã tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy lực lượng chính trị của

quần chúng nổi dậy, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở địa phương, cơ sở để giành quyền làm chủ. Tương tự như vậy, sự nổi dậy mạnh mẽ của lực lượng quần chúng trên nhiều địa bàn từ nông thôn đến thành thị, với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt đã tạo thuận lợi cho bộ đội chủ lực cả về thế và lực để từ đó nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch. Sự kết hợp giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng là một nét độc đáo về nghệ thuật quân sự trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đã làm cho chiến dịch giành thắng lợi trong thời gian nhanh nhất, triệt để nhất và giữ được Sài Gòn còn nguyên vẹn khi kết thúc chiến tranh.

Thời gian đã lùi xa 40 năm, nhưng bài học về kết hợp giữa nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vẫn mãi là bài học vô giá để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vận dụng vào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

VŨ BÌNH TUYẾN
Báo Quân đội nhân dân

SƯ ĐOÀN CHỦ LỰC VANG BÓNG MIỀN ĐÔNG

Nhắc đến Trung tướng Lê Nam Phong, nhiều cán bộ, chiến sĩ nhớ tới ông bởi biệt danh từ thời chống Pháp đến chống Mỹ, như: Đại đội trưởng đầu trọc, Năm bình toong, Năm lửa, Năm Hỏa lực... Riêng tôi, đặc biệt ấn tượng vị Sư đoàn trưởng chủ lực đánh trận "trình sát chiến lược" Phước Long đến tiến công Xuân Lộc, tuyến phòng ngự cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn.

Từ mũi đột kích chiến lược Phước Long : Những ngày cuối năm 1974, khi cuộc chiến tranh đang ở thế khốc liệt sống còn, Trung tướng Lê Nam Phong khi đó là Sư trưởng Sư đoàn 7, được Tư lệnh Quân đoàn 4 Hoàng Cầm giao nhiệm vụ giữ vai trò công kích chính, cùng các lực lượng phối hợp tiến công Phước Long.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trung tướng Lê Nam Phong

Phước Long nằm ở phía đông bắc cách Sài Gòn hơn 100km. Bắc giáp Campuchia; đông giáp Quảng Đức; nam giáp Bình Dương; tây giáp Bình Long... là giao điểm của bốn địa bàn chiến lược rất quan trọng. Phước Long có hình thế trận phòng ngự kiên cố, vững chắc, trong khi địch có quân số đông, được chi viện từ nhiều hướng. Đánh Phước Long sẽ là một mắt xích quan trọng trên tuyến

đường 14, mở rộng hành lang vùng giải phóng của ta...

Chấp hành mệnh lệnh, Sư đoàn 7 gấp rút chuẩn bị nhưng hết sức chu đáo, kiểm tra, đôn đốc sâu sát đến từng phân đội nhỏ, động viên cán bộ, chiến sĩ kịp thời, làm tốt công tác binh, dân vận. Quân đoàn 4 cùng bộ đội địa phương, dân quân, du kích vào trận Phước Long với khí thế mới. Đêm 30 rạng sáng 31-12-1974, Sư 7 nổ súng tiến công, đạn pháo 130 ly cấp tập dội xuống, pháo cao xạ bắn lên không chế máy bay địch, xe tăng lần đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam Bộ xuất kích, bộ đội ta nhanh chóng đánh chiếm cao điểm Bà Rá, chi khu quân sự Phước Bình, chặt đứt thể phòng ngự liên hoàn, chỉ còn lại trung tâm thị xã Phước Long.

Từ mọi hướng đảm nhiệm, Sư đoàn 7 và các đơn vị phối thuộc nhanh chóng áp sát vòng vây, thọc sâu vào thị xã, lúc này chỉ còn trên dưới 2km². Khi nhận thấy tình hình khó khăn, Tư lệnh quân đoàn huy động tập trung binh hỏa lực, tiến công địch mãnh liệt, đánh tê liệt các ổ đề kháng, làm chủ thế trận. Đến trưa ngày 6-1 lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" của ta đã được cắm trên nóc dinh tỉnh trưởng. Chiến thắng Phước Long đã tạo nên một bàn đạp, hậu phương vững chắc, là cơ sở quan trọng để Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhắc về trận đánh năm xưa, Trung tướng Lê Nam Phong như vừa chia sẻ vừa dặn dò: "Qua kinh nghiệm trận mạc tôi thấy, phải luôn quan tâm, thương yêu cấp dưới. Trong huấn luyện cũng như thực hành chiến đấu, nhất nhất chấp hành mệnh lệnh chỉ huy. Nên ngay từ đầu chiến dịch, chúng tôi làm hết sức khẩn trương, chuẩn bị kỹ mọi phương án, giành thế chủ động mới thắng lợi. Hình ảnh chiến sĩ Nguyễn Đăng Hoan quả cảm cầm lá cờ trên nóc dinh tỉnh trưởng ngày ấy tôi ghi nhớ mãi"

Phát triển tiến công giải phóng

Lâm Đồng: Sau chiến thắng Phước Long, Sư đoàn 7 của Trung tướng Lê Nam Phong được giao phối hợp với các lực lượng Quân khu 7, Quân khu 6 chuẩn bị đánh chi khu Định Quán, giải phóng đường 20, tỉnh Lâm Đồng, mở hành lang và bàn đạp trên hướng tiến công Sài Gòn.

Khi đó Sư đoàn 7 dùng căn cứ cũ của địch ở cầu Nha Bích có cấu trúc gần với chi khu Định Quán, huấn luyện bổ sung, tổ chức thao diễn trên sa bàn lần cuối ở Vĩnh An. Rạng sáng 17-3-1975, Sư đoàn trưởng Lê Nam Phong ra lệnh nổ súng tiến công địch. Pháo binh bắn dồn dập vào chi khu và các vị trí địch ở Phước Lâm, La Ngà, núi Tràm, đồi Đăng Ca và cao điểm.

Ngay từ đợt tiến công đầu tiên quân ta đã nhanh chóng tiêu diệt địch co cụm phòng thủ núi Tràm, chia cắt Định Quán với Quân đoàn 3- nguy. Nhưng khi trực tiếp tiến công chi khu Định Quán tại cao điểm 124 thì sức tiến công bị chững lại vì quân địch thực hiện tử thủ khiến quân ta không tiến công tiêu diệt. Nhớ lại thời điểm khó khăn đó Trung tướng Lê Nam Phong kể: "Lúc đó Tư lệnh Hoàng Cầm điện hỏi và đốc chúng tôi liên tục. Tình hình "căng" quá Tư lệnh gọi điện "mắng" tôi rằng: "sao Phước

Long khó vậy mà mày còn đánh được?" rồi ông chỉ thị luôn: "phải giải quyết cho được cao điểm 124".

Sau khi rút kinh nghiệm cách đánh, quán triệt chỉ thị của Tư lệnh, Sư đoàn 7 sử dụng nhiều biện pháp, nhất là tổ chức tốt lực lượng mật tập để giải quyết cao điểm 124. Dù chưa đưa được xe tăng vào trực tiếp chiến đấu, nhưng liên tục cho xe tăng đồng loạt gầm rú, địch đồn trú trong công sự hoảng loạn, mò ra khỏi công sự và bị ta tiêu diệt, một phần địch tự tháo chạy do lo sợ. Sau hai ngày chiến đấu kiên cường, ta làm chủ và giải phóng hoàn toàn Định Quán. Lực lượng địch trong hệ thống đồn bốt từ Túc Trưng đến Phước Lâm dọc lộ 20 dài gần 60 km bị ta tiêu diệt hoặc bức rút.

Chiều 28-3, Sư đoàn 7 và các đơn vị phối thuộc được lệnh cơ động cấp tốc bằng cơ giới lên Lâm Đồng, vừa đi vừa đánh địch, tiêu diệt chi khu quân sự Đa Hoai và tiếp tục cơ động cách thị xã Lâm Đồng khoảng 3km. Đúng 0 giờ 30 ngày 29-3-1975, khi các cánh quân nổ súng tiến công vào toàn thị xã Lâm Đồng và đến 5 giờ 30 sáng, ta làm chủ hoàn toàn.

Mũi tiến công chủ yếu trận tuyên phòng ngự Xuân Lộc: Khi Sư đoàn 7 chuẩn bị tiến công Đà Lạt thì được lệnh trên gấp rút quay về. Ngày 4-4 phải có mặt tại vị trí tập kết, chuẩn bị mọi mặt tiến công tuyến phòng ngự Xuân Lộc trên hướng chủ yếu, đánh thọc sâu và chiếm giữ sở chỉ huy Sư đoàn 18 nguy của chuẩn tướng Lê Minh Đảo.

Tuyến phòng ngự này có quy mô, tính chất kiên cố vững chắc và sức chi viện của địch chưa từng có, được xác định là tuyến phòng thủ cuối cùng trước cửa ngõ Sài Gòn. Từ ngày 9-4 đến 20-4, địch huy động đến khu vực này khoảng 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh và hầu hết xe tăng, thiết giáp hiện có

của Quân đoàn 3 cùng lực lượng dự bị, tương đương một sư đoàn. Không quân ở các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất chi viện trên 80 lần chiếc/ngày... làm cho tình hình càng khó khăn, khốc liệt hơn bao giờ hết.

Sau khi nhận lệnh, lãnh đạo Sư đoàn 7 bàn bạc thống nhất, tập trung lãnh đạo tốt mọi mặt nhất là tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ. Đúng 5 giờ 40 sáng 9-4, trên các hướng, ta nổ súng tiến công. Trên hướng chủ yếu, Sư đoàn 7 được tăng cường tám xe tăng tiến đánh vào căn cứ Sư đoàn 18 ngụy. Khi cách khoảng 300m, quân ta chững lại vì địch chống cự quyết liệt, phải chuyển hướng tiến công và chỉ chiếm được một phần hậu cứ của Chiến đoàn 52 địch. Trong khi đó, tại vòng ngoài, quân ta diệt được bảy xe tăng của Chiến đoàn 43, 48 từ Tân Phong, núi Thị vào cứu viện. Trên hướng chia cắt, Sư đoàn 6 của ta tiến công tiêu diệt được năm chốt của địch đoạn từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bồng Con, buộc quân địch phải bỏ Túc Trưng về giữ Dầu Giây. Tuyến phòng thủ ngoại ô thị xã Xuân Lộc bị phá vỡ.

Ngày 10-4, Sư đoàn 7 cùng các lực lượng phối hợp tiến công căn cứ Sư đoàn 18 ngụy, Chiến đoàn 52 và Trung đoàn 5 thiết giáp của địch. Ngày 11-4, địch và ta giằng co quyết liệt, địch tăng viện mạnh và bố trí lại đội hình, tạo thế phòng ngự kiên cố hơn. Ta chủ động tiến công, các hướng mũi đều quyết tâm tiêu diệt địch, nhưng đã xuất hiện dấu hiệu ta chưa đánh giá hết sức mạnh kháng cự quyết liệt của địch, nên trong ba ngày chiến đấu, lực lượng tiến công trên hướng chủ yếu tuy tiêu diệt, chiếm giữ, làm chủ được một số khu vực trọng yếu, thu được nhiều trang bị vũ khí của địch, nhưng lực lượng của ta cũng tổn thất, thương vong khá nhiều. Bộ Tư lệnh

Miền chỉ thị ngừng tiến công thị xã Xuân Lộc.

Cấp trên triệu tập họp bàn cách đánh mới. Sư đoàn 7 được bổ sung quân, trang bị vũ khí... thực hiện bước chuyển hóa thể trận của cấp trên, lập thể trận mới, đánh cắt rời Xuân Lộc với Biên Hòa tại điểm Dầu Giây, đánh chặn và ghìm chân địch ở Túc Trưng, cắt đường số 1 và lộ 20, cắt đứt đoạn Xuân Lộc - Bàu Cá, không cho địch co cụm, tiếp tế chi viện, không cho địch rút về đường số 2 đi hướng Bà Rịa.

Đúng như cấp trên dự kiến, sau khi củng cố đội hình, bổ sung lực lượng, trang bị vũ khí, thực hiện phương án cách đánh mới. Sáng 15-4, ta tiến công mãnh liệt vào các khu vực dự kiến, địch rối loạn đội hình, pháo 130mm dồn dập không chế sân bay Biên Hòa khiến địch không thể tiếp viện. Quân ta lần lượt tiêu diệt, làm chủ từng mục tiêu đã xác định. Khi thấy không còn khả năng kháng cự, địch bí mật rút khỏi Xuân Lộc, ta tổ chức lực lượng truy kích, nhưng do phát hiện muộn, ta chỉ tiêu diệt được một bộ phận đi sau.

Liên tục hơn 11 ngày đêm chiến đấu, với vai trò quân đoàn chủ lực phối hợp với các lực lượng địa phương tiến đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 ngụy, tiêu diệt Chiến đoàn 52, đánh thiệt hại nặng Chiến đoàn 5 và Lữ đoàn 3 thiết giáp, hàng nghìn tên địch bỏ mạng, bắt sống 2785 tên, thu 48 ô tô, 1499 súng các loại...giải phóng Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh. Từ đây, cửa ngõ hướng đông Sài Gòn được mở toang. Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương hạ đặt mệnh lệnh "Thần tốc, táo bạo, quyết thắng", giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc.

Chiến dịch 'ngoài kế hoạch' giải phóng Trường Sa 1975

Khi các cánh quân trên đất liền ồ ạt tiến về Sài Gòn, lực lượng đặc công hải quân bất ngờ nhận lệnh giải phóng quần đảo Trường Sa trong tay quân đội



Bộ đội đặc công trên đảo Trường Sa năm 1975. Ảnh tư liệu

Tháng 3/1975, sau chiến thắng Buôn Mê Thuột, chiến trường miền Nam chuyển biến mau lẹ. Ngoài thời cơ thống nhất đất nước, Bộ Tổng tham mưu đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhìn nhận cần gấp rút giải phóng các đảo trong quần đảo Trường Sa - vùng lãnh hải có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế và quân sự mà quân đội Việt Nam Cộng hòa đang nắm giữ.

Khi đó, Trường Sa có 11 đảo có người ở do quân đội của ba nước và vùng lãnh thổ đóng giữ, gồm: Đài Loan chiếm giữ Ba Bình; Philippines giữ Thị Tứ, Vĩnh Viễn, Bến Lạc, Nam Côn, Song Tử Đông; chính quyền Việt Nam Cộng hòa đóng giữ Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa Lớn và mới đặt bia chủ quyền ở đảo An Bang, chưa có người ở. Lực lượng quân đội Sài Gòn đóng giữ ở đây gồm khoảng 150 lính bảo an, thuộc Tiểu đoàn 371 Phước Tuy.

Việt Nam Cộng hòa, bởi "nếu chậm, có thể quân đội nước ngoài xâm chiếm trước".

"Sự kiện Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa ở phía bắc ngày 19/1/1974 càng cho thấy tầm chiến lược của những mảnh đất xa xôi, chập chờn trên sóng gió biển Đông. Cần tổ chức giải phóng kịp thời phần đất này. Nếu chậm, để quân đội nước khác xâm chiếm, tình hình sẽ rất phức tạp... Theo thăm dò, triển vọng ở đây có dự trữ dầu lửa lớn. Có thể thấy biển và đại dương sẽ là nguồn tài nguyên chủ yếu của nhân loại kể từ thế kỷ 21", Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ rõ vấn đề và gọi đây là "một sự kiện đặc biệt diễn ra ngoài kế hoạch chiến lược ban đầu".

Quân ủy Trung ương kiến nghị với Bộ Chính trị vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo chính quyền Sài Gòn đang chiếm giữ. Kiến nghị ngay lập tức được ghi vào Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25/3/1975. Chính ủy Hải quân Hoàng Trà được điều về làm việc cạnh Bộ Tổng tham mưu, kiến nghị về nhiệm vụ của hải quân trong trận tổng giao chiến cuối cùng. Bộ Ngoại giao cung cấp tài liệu về các đảo, quần đảo thuộc vùng biển Việt Nam, Cục Quân báo nắm tình hình biển Đông.

Giải phóng các đảo do quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ trong quần đảo Trường Sa trở thành một hướng tiến công chiến lược trên biển, nhằm phối hợp với các hướng tiến công trên bộ vào Sài Gòn.

Về thời cơ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp dặn dò: "Nếu đối phương đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay, nếu nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại. Trên mặt trận biển Đông, hành động của Hải quân cũng phải *thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*".

Khó khăn lớn nhất cho Hải quân là giải phóng các đảo trên một vùng biển rộng lớn với lực lượng nhỏ bé, xung quanh là sự lấn lè của một số nước, trong đó có tàu của Hạm đội 7 Mỹ. Vị tổng tư lệnh lo lắng đặt câu hỏi: "Thời cơ giải phóng là như vậy, nhưng cách đánh thì sao? Trong tình hình vũ khí, phương tiện của ta còn kém hơn cả đối phương về số lượng và trình độ hiện đại?".

Nhiệm vụ được giao cho Đoàn 126, Quân chủng Hải quân. Đoàn đặc công nổi danh với hàng trăm trận đánh chìm tàu chiến của Mỹ ở Đông Hà - Cửa Việt làm lực lượng chủ công, phối hợp với đội đặc công nước của Tiểu đoàn 471 và Tiểu đoàn 4 của Trung đoàn 28, Sư đoàn 2 (Quân khu 5). Tàu vận tải quân sự của Trung đoàn 125 được giao nhiệm vụ chở quân. Thượng tá Mai Năng, Trưởng Đoàn 126 là chỉ huy trận này.

Ông Mai Năng giờ là thiếu tướng, nguyên Tư lệnh Binh chủng Đặc công. Nhớ lại ngày lên gặp Phó tư lệnh hải quân Hoàng Hữu Thái nhận nhiệm vụ ở quân cảng Đà Nẵng cuối tháng 3/1975, ông kể: "Giờ hải đồ ra, chúng tôi thấy khoảng cách giữa các đảo trong quần đảo tương đối xa nhau. Từ Song Tử Tây đến An Bang khoảng 230 hải lý, các đảo còn lại đều cách nhau trên 10 hải lý".

Bộ tư lệnh giao nhiệm vụ phải giải phóng đồng loạt 6 đảo. Ông Năng phân tích, đặc công nước chỉ chuyên đánh tàu, đánh cảng, hoạt động ở vùng cửa biển, chưa bao giờ đánh đảo. Địa bàn

Trường Sa rộng lớn, chưa thông thuộc địa hình, không thể trinh sát trước, đặc công muốn đánh thì *mất phải thấy, tai phải nghe, tay phải sờ, chân phải đến*. Phương án được thống nhất là không đánh đồng loạt vì lực lượng mỏng và không có quân dự bị, mà đánh và rút kinh nghiệm ở đảo đầu tiên giải phóng được rồi phát triển ra các đảo khác, trinh sát đến đâu, đánh đến đó.



Đảo Sơn Ca được giải phóng ngày 25/4/1975
Ảnh tư liệu.

Ngày 9/4/1975, Cục Quân báo phát hiện chính quyền Sài Gòn bắt đầu rút quân khỏi các đảo. Quân ủy Trung ương lập tức gửi điện tối khẩn cho các ông Võ Chí Công, Chu Huy Mân và Hoàng Hữu Thái. "Các anh cho kiểm tra lại ngay và chỉ thị cho lực lượng hành động kịp thời theo phương án đã định. Nếu để chậm có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước đang có ý đồ xâm chiếm", nội dung bức điện nêu. Cùng thời điểm này trên đất liền, các cánh quân lớn đang hành quân thần tốc tiến vào thị xã Xuân Lộc, chọc thủng tuyến phòng ngự cuối cùng của cửa ngõ phía đông Sài Gòn.

Một ngày sau, các tàu vận tải 673, 674, 675 của Quân chủng Hải quân cải trang thành tàu đánh cá nước ngoài, chở

theo các chiến sĩ đặc công rời quân cảng Đà Nẵng tiến về Trường Sa. Sau 3 ngày lên đường, đoàn tàu đến nơi, cách Song Tử Tây vài km vờ đánh cá để trinh sát tình hình.

Trong các đảo ở Trường Sa mà quân đội Việt Nam Cộng hòa chiếm giữ, Nam Yết là mạnh nhất, có sở chỉ huy chung và khoảng 60 binh sĩ; Song Tử Tây có khoảng 40 và mỗi đảo còn lại khoảng 20 người, được trang bị vũ khí bộ binh, cối... Hạn chế lớn nhất của đội quân đóng giữ ở đây là lực lượng mỏng, khả năng ứng cứu từ đất liền ra hoặc giữa các đảo với nhau không dễ dàng, tinh thần hoang mang do thất bại liên tiếp từ đất liền.

Quân chủng Hải quân chọn đánh Song Tử Tây trước vì đây là chỗ yếu nhất và để thăm dò phản ứng của đối phương, làm bàn đạp tấn công các đảo còn lại.

4h30 sáng 14/4, các tàu vận tải bí mật áp sát Song Tử Tây, 3 mũi đặc công cùng đổ bộ. Bị đánh bất ngờ, lính trên đảo chống trả yếu ớt. Sau 30 phút giao tranh, đặc công hải quân làm chủ Song Tử Tây, 6 lính Việt Nam Cộng hòa tử trận, 33 người bị bắt sống, 2 lính đặc công hy sinh.

Sáng 14/4, lá cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tung bay trên đỉnh cột trước bia chủ quyền trên đảo. Sau đó, một bộ phận chiến sĩ ở lại phòng thủ, số khác đưa tù binh, thương binh về Đà Nẵng bàn giao.

Thực hiện chiến thuật vừa đánh vừa rút kinh nghiệm, ngày 25/4, bộ đội hải quân chiếm Sơn Ca; ngày 27/4 làm chủ Nam Yết và Sinh Tồn; ngày 28/4 chiếm Trường Sa Lớn và An Bang.

"Đúng như anh Văn nhận định, sáng 29/4, một số tàu lạ tiến vào gần các đảo, khi nhìn thấy cờ của quân giải phóng thì quay đầu bỏ đi. Nếu chúng tôi

chậm vài tiếng đồng hồ trong việc làm chủ, tình hình sẽ phức tạp hơn", tướng Năng nói và cho hay đây là trận đánh lớn có ý nghĩa nhất với lực lượng đặc công khi góp phần giải phóng một vùng lãnh hải lớn, tạo nên tuyến phòng thủ đất nước từ xa. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ chiến thắng này vẫn nguyên giá trị và tính thời sự trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo hôm nay.

"Nhờ chớp thời cơ có lợi, tiến công giải phóng được 6 đảo trên, chúng ta mới có bàn đạp để từng bước mở rộng phạm vi đóng giữ ra các đảo, bãi cạn khác như ngày nay (9 đảo, 21 bãi cạn, 33 điểm đóng quân), củng cố thể đứng vững chắc trên toàn bộ quần đảo vốn được xác định là lá chắn phòng thủ từ xa phía sườn đông của Tổ quốc", thượng tướng Nguyễn Văn Hiến, Đô đốc hải quân đánh giá.



Bia chủ quyền trên đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường Sa do Hải quân Việt Nam Cộng hòa dựng năm 1956. Ảnh: Nam Anh.

Hoàng Phương, Nguyễn Đông

Theo <http://vnexpress.net>